

Bản án số: 384/2019/HNGĐ-ST

Ngày: 19/4/2019

V/v tranh chấp ly hôn.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà **Trần Thị Nhung**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà **Đoàn Thị Thanh Thủy**

2. Ông **Trần Ngọc Thực**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Tăng Thị Hồng Thanh** – Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà **Hà Thanh Bình** – Kiểm sát viên

Ngày 19 tháng 4 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 591/2018/TLST-HNGĐ ngày 28 tháng 11 năm 2018 về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 1444/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 28 tháng 3 năm 2019 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà **Vũ Phương T**, sinh năm 1991

Địa chỉ: 50 Đường A, phường B, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh.

Bị đơn: Ông **Phạm Hải N**, sinh năm 1985

Địa chỉ: 1, 20535 Hamburg, CHLB Đức.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Trong đơn khởi kiện ngày 19/10/2018 và bản tự khai, nguyên đơn bà Vũ Phương T trình bày:

Bà và ông Phạm Hải N tự nguyện kết hôn với nhau vào năm 2017, có đăng ký kết hôn theo Giấy chứng nhận kết hôn số 04, ngày 11/8/2017 của UBND huyện Bình Lục, tỉnh Hà Nam .

Ngày 08/02/2018, bà chuyển sang nước Đức sống chung với chồng. Trong thời gian chung sống khoảng 02 tháng, giữa hai bên thường xuyên phát sinh mâu thuẫn, cãi vã do khác biệt về suy nghĩ và cách sống, không có sự tin tưởng nhau về tình cảm lẫn tiền bạc. Mặc dù đã cố gắng để níu kéo và hàn gắn tình cảm

nhưng mâu thuẫn ngày càng trầm trọng hơn. Từ ngày 02/5/2018 đến nay, cả hai sống ly thân, không còn quan tâm và trách nhiệm gì lẫn nhau. Nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, bà yêu cầu ly hôn ông Phạm Hải N.

Về con chung: không có

Về tài sản chung, nợ chung: không có.

Tại Bản tự khai ngày 27/12/2018, bị đơn ông Phạm Hải N trình bày:

Ông và bà Vũ Phương T tự nguyện kết hôn với nhau vào năm 2017 theo Giấy chứng nhận kết hôn số 04, ngày 11/8/2017 của Ủy ban nhân dân huyện D, tỉnh Hà Nam. Do quen biết và tìm hiểu nhau chủ yếu qua điện thoại và mạng xã hội vì hai bên đều ở xa không có điều kiện gặp nhau nên khi sống chung giữa hai bên đã phát sinh nhiều mâu thuẫn do khác biệt về suy nghĩ và cách sống. Vợ chồng chỉ sống chung với nhau được 02 tháng tại nước Đức, đến tháng 5/2018 cả hai về Việt Nam để tổ chức lễ cưới thì xảy ra mâu thuẫn nghiêm trọng, hai bên thống nhất hủy hôn lễ và không còn liên lạc với nhau cho đến nay. Nay bà T yêu cầu ly hôn, ông đồng ý.

Về con chung: không có.

Về tài sản chung và nợ chung: không có.

Ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh:

- Về tố tụng: Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã chấp hành đúng quy định của tố tụng dân sự về thủ lý vụ án, thủ tục ủy thác tư pháp, thời hạn chuẩn bị xét xử, thời hạn chuyển hồ sơ cho Viện Kiểm sát nghiên cứu và thủ tục xét xử vắng mặt tại phiên tòa.

- Về nội dung: Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn. Bà Vũ Phương T được ly hôn ông Phạm Hải N. Con chung: không có. Tài sản chung không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa; Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về áp dụng pháp luật tố tụng:

Nguyên đơn bà Vũ Phương T đang cư trú tại Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam; bị đơn ông Phạm Hải N cư trú tại CHLB Đức; giữa đôi bên có tranh chấp về hôn nhân và gia đình nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam theo quy định tại Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 37; điểm a khoản 2 Điều 38; Điều 464; Điều 469 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và Điều 122, Điều 123 và Điều 127 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Tại phiên tòa, nguyên đơn bà Vũ Phương T, bị đơn ông Phạm Hải N có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Căn cứ quy định tại Điều 227, Điều 228, khoản 1 Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt người tham gia tố tụng.

[2] Về áp dụng pháp luật nội dung:

Xét yêu cầu của nguyên đơn nhận thấy:

Bà Vũ Phương T và ông Phạm Hải N tự nguyện kết hôn với nhau vào năm 2017, có làm thủ tục đăng ký kết hôn theo Giấy chứng nhận kết hôn số 04 ngày 11/8/2017 của Ủy ban nhân dân huyện D, tỉnh Hà Nam. Như vậy, hôn nhân giữa đôi bên là hợp pháp kể từ thời điểm đăng ký kết hôn.

Theo lời khai của bà T thì sau khi kết hôn vợ chồng sống chung với nhau tại CHLB Đức được khoảng 02 tháng. Trong thời kỳ hôn nhân giữa vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, cãi vã do khác biệt về suy nghĩ và cách sống, không có sự tin tưởng nhau về mọi mặt. Từ tháng 5/2018 đến nay, vợ chồng chấm dứt mọi liên lạc. Bà T xác định mâu thuẫn vợ chồng đã đến mức trầm trọng không thể hòa giải, bà không còn tình cảm với chồng, không thể tiếp tục cuộc hôn nhân được nữa và có yêu cầu ly hôn. Lời khai ông Phạm Hải N cũng xác nhận giữa vợ chồng luôn xảy ra mâu thuẫn, thường xuyên cãi vã, không có hạnh phúc nên ông đồng ý ly hôn.

Xét, tình nghĩa vợ chồng phải xuất phát từ cả hai phía cùng có nghĩa vụ thương yêu, tôn trọng và cùng có trách nhiệm quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau. Thực tế vợ chồng đã không còn sống cùng nhau, không tạo được điều kiện hàn gắn tình cảm vợ chồng, mâu thuẫn giữa vợ chồng lâm vào tình trạng trầm trọng. Do đó, nếu tiếp tục kéo dài quan hệ hôn nhân nói trên thì mục đích của hôn nhân cũng không thể đạt được. Xét, đề nghị của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tại phiên tòa là có căn cứ nên Hội đồng xét xử có cơ sở chấp nhận yêu cầu được ly hôn của bà T.

Về con chung: Đôi bên thống nhất khai không có.

Về tài sản chung và nợ chung: bà Vũ Phương T, ông Phạm Hải N đều khai không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: 300.000 đồng nguyên đơn chịu.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ Điều 28; điểm a, khoản 1 Điều 37; điểm a, khoản 2 Điều 38; Điều 464; khoản 1 Điều 469, Điều 478, Điều 479 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 19, Điều 51, Điều 57, Điều 123, Điều 124, Điều 127 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ Luật Thi hành án dân sự 2008;

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Vũ Phương T được ly hôn ông Phạm Hải N.

Giấy chứng nhận kết hôn số 04 ngày 11/8/2017 của Ủy ban nhân dân huyện D, tỉnh Hà Nam không còn giá trị pháp lý kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật.

2. Về con chung: không có.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Bà Vũ Phương T và ông Phạm Hải N khai không có.

4. Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng bà Vũ Phương T phải chịu, nộp tại Cục Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh, cản trừ tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng bà T đã nộp tại Biên lai thu số AA/2017/0045764 ngày 27/11/2018 của Cục Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh, bà T đã nộp đủ án phí.

Án xử công khai vắng mặt nguyên đơn bà Vũ Phương T và bị đơn ông Phạm Hải N; bà Vũ Phương T được quyền kháng cáo trong thời hạn 15(Mười lăm) ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hoặc niêm yết hợp lệ, ông Phạm Hải N được quyền kháng cáo trong thời hạn 1 (Một) tháng ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hoặc niêm yết hợp lệ.

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đoàn Thị Thanh Thủy

Trần Ngọc Thực

Trần Thị Nhung



Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân cấp cao tại TP HCM;
- Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại TP HCM;
- Viện kiểm sát nhân dân TP HCM;
- Cục Thi hành án dân sự TP HCM;
- Ủy ban nhân dân huyện D, tỉnh Hà Nam;
- Đường sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.



**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thị Nhung

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
HỘI THẨM NHÂN DÂN THẨM PHÁN CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân cấp cao;
- Viện kiểm sát nhân dân cấp cao;
- Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh;
- Cục Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh;
- Ủy ban nhân dân huyện D, tỉnh Hà Nam
- Đương sự;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Thị Nhung